TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NL** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST Ngày: 24/4/2024 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành.

Ông Quách Văn Toản.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Quý Hiếu là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 24/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2023/TLST - HNGĐ ngày 05/10/2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐST - HNGĐ ngày 25/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Viết T, sinh năm 1985 (Có mặt).

Bị đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1985 (Vắng mặt lần thứ hai).

Cùng địa chỉ: Thôn XT, xã KT, huyện NL, TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Viết T trình bày: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh TH. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoản 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất cách làm ăn và cư sử trong gia đình, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kể từ đầu năm 2021 đến nay, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung một nhà, nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị T có 02 con chung là Nguyễn Thảo V, sinh ngày 14/3/2009 và Nguyễn Bảo H, sinh ngày 19/11/2011. Vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/10/2023 chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Viết T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã XY, huyện TX, tỉnh TH. Sau khi kết hôn, chị và anh T sinh sống tại thành phố BH, tỉnh ĐN, đến năm 2009, chị và anh T mới về sinh sống tại thôn XT, xã KT, huyện NL, tỉnh TH. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2021, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân la do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống. Hiện nay anh T đang sinh sống tại địa phương, còn chị đi làm ăn, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay anh T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị không đồng ý. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con cái: Chị và anh Nguyễn Viết T có 02 con chung là Nguyễn Thảo V, sinh ngày 14/3/2009 và Nguyễn Bảo H, sinh ngày 19/11/2011. Nếu vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cả 02 con cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi con 1.000.000đ/tháng, cả hai con là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Hiện tại chị chưa có tài liệu chứng cứ, nên chị chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu yêu cầu giải quyết gì chị sẽ có ý kiến sau.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); anh T đã thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật, chị T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại các Điều 227, 228 và Điều 238 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho anh Nguyễn Viết T được ly hôn chị Bùi Thị T. Giao cháu Nguyễn Thảo V và Nguyễn Bảo H cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc khôpng yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 BLTTDS. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị T không có mặt, Toà án đã triệu tập hợp lệ chị T lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng chị T vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Viết T và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã XY, huyện TX, tỉnh TH và không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Chị T biết rõ việc anh T làm đơn xin ly hôn và Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập chị T để tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị T đều không có mặt, điều đó thể hiện chị T không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ anh T và chị T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn chị T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Theo lời khai của đương sự và giấy khai sinh, có đủ cơ sở để xác định cháu Nguyễn Thảo V, sinh ngày 14/3/2009 và Nguyễn Bảo H, sinh ngày 19/11/2011 là con chung của anh T và chị T. Xét nguyện vọng xin nuôi con của anh T chị T là chính đáng. Tuy nhiên theo xác nhận của chính quyền địa phương, hiện nay hai con đang ở cùng anh T và do anh T chăm sóc nuôi dưỡng, điều đó thể hiện anh T có đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi con. Nguyện vọng xin được nuôi con của anh T cũng phù hợp với nguyện vọng của các con. Chị T xin được nuôi 02 con, nhưng yêu cầu anh T cấp dưỡng là thể hiện về điều kiện nuôi con chưa đảm bảo. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đều vắng mặt, nên chấp nhận yêu cầu của anh T là phù hợp.

[4]. Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T cũng chưa có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Viết T.

*** Về hôn nhân:** Anh Nguyễn Viết T được ly hôn chị Bùi Thị T.

*** Về con chung:** Giao cả 02 con là Nguyễn Thảo V, sinh ngày 14/3/2009 và Nguyễn Bảo H, sinh ngày 19/11/2011 cho anh Nguyễn Viết T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị Bùi Thị T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền thăm nom con chung, mà không ai được cản trở, ngăn cấm.

Về án phí: Anh Nguyễn Viết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0000675 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL, tỉnh TH.

Chấp nhận anh T đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt anh Nguyễn Viết T, vắng mặt chị Bùi Thị T. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/4/2024. Chị Bùi Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện NL;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã XY, huyện TX, tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện NL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**